

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11 /2000/ QĐ/CTUBBT

Phan thiết, ngày 11 tháng 02 năm 2000

QUYẾT ĐỊNH CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH THUẬN
V/v ban hành Điều lệ quản lý Khu công nghiệp Phan Thiết

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

BẢN SAO

- Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND (sửa đổi) đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khóa IX, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 21/6/1994;

- Căn cứ Nghị định số : 36/CP ngày 24/4/1997 của Chính Phủ V/v ban hành Quy chế Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao;

- Xét đề nghị của Trưởng Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bình Thuận tại Tờ trình số : 15/TT/BQL-KCN ngày 23/11/1999 và Trưởng Ban Tổ chức chính quyền tỉnh;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay ban hành kèm theo quyết định : “Bản Điều lệ quản lý Khu công nghiệp Phan Thiết”

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3: Các ông Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng ban Tổ chức chính quyền tỉnh, Trưởng Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bình Thuận, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan căn cứ quyết định thi hành.

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH THUẬN

Nơi nhận:

- Ban QL các Khu CNVN (b/c).
- Ban TVTU(b/c)
- TT/HĐND tỉnh(b/c)
- Như điều 3.
- Lưu VP/UB

Phòng: UBND Tỉnh Bình Thuận

Mục lục: 02 Hồ sơ số: 314 Tờ số:

Số chứng thư: 11

PHÓ GIÁM ĐỐC

Huỳnh Ninh Hòa

Trần Khán



ĐIỀU LỆ QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHIỆP PHAN THIẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 41 /2000/CT-UBBT

ngày 21 tháng 02 năm 2000 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Điều lệ này quy định cụ thể việc quản lý và điều hành Khu công nghiệp Phan Thiết được Chính phủ quyết định thành lập tại Quyết định số 827/QĐ/TTg ngày 11 tháng 9 năm 1998 (sau đây gọi tắt là Khu công nghiệp).

Điều 2: Việc quản lý và điều hành Khu công nghiệp được phân định như sau:

1- Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Thuận (sau đây gọi tắt là Ban quản lý), được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 164/1999/ QĐ /TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 09/08/1999 , thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước đối với Khu công nghiệp theo chức năng và thẩm quyền của mình và theo ủy quyền của các Bộ, ngành và UBND tỉnh phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

2- Công ty Vật liệu xây dựng và Khoáng sản Bình Thuận (sau đây gọi tắt là đơn vị phát triển hạ tầng), được thành lập và hoạt động theo Quyết định số :2535 /QĐ/UBBT ngày 09/12/1996 của UBND tỉnh Bình Thuận thực hiện nhiệm vụ xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Phan Thiết, theo Quyết định số 827/QĐ/TTg ngày 11/09/1998 của Chính phủ về việc thành lập và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Phan Thiết - tỉnh Bình Thuận.

Chương II
BAN QUẢN LÝ

Điều 3: Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Thuận là cơ quan quản lý nhà nước trực tiếp Khu công nghiệp Phan Thiết. Ban quản lý có các nhiệm vụ và quyền hạn :

1/ Xây dựng Điều lệ Quản lý khu công nghiệp trên cơ sở Điều lệ mẫu do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành trình Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện.

2/ Tiếp nhận đơn đăng ký xin đầu tư kèm theo dự án đầu tư, tổ chức thẩm định và cấp giấy phép đầu tư, giấy chấp thuận đầu tư cho các dự án đầu tư nước ngoài và trong nước theo ủy quyền, hoặc tham mưu trình các cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép đầu tư, giấy chấp thuận đầu tư cho các dự án đầu tư vào khu công nghiệp vượt thẩm quyền của Ban quản lý.

3/ Tổ chức xây dựng và quản lý thực hiện quy hoạch chi tiết, tiến độ xây dựng, phát triển khu công nghiệp bao gồm: quy hoạch phát triển công trình kết cấu hạ tầng; quy hoạch bố trí ngành nghề; tham gia phát triển công trình kết cấu hạ tầng ngoài khu công nghiệp liên quan và khu dân cư phục vụ cho công nhân lao động tại khu công nghiệp.

4/ Đôn đốc, kiểm tra việc xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng trong và ngoài khu công nghiệp liên quan để đảm bảo việc xây dựng và đưa vào hoạt động đồng bộ theo đúng quy hoạch và tiến độ được duyệt.

5/ Hỗ trợ vận động đầu tư vào khu công nghiệp.

6/ Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện giấy phép đầu tư, hợp đồng gia công sản phẩm, hợp đồng cung cấp dịch vụ, hợp đồng kinh doanh, các tranh chấp kinh tế theo yêu cầu của đương sự theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

7/ Phối hợp với Sở Lao động-TBXH trong việc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, an toàn lao động, tiền lương.

8/ Quản lý hoạt động dịch vụ trong khu công nghiệp.

9/ Thỏa thuận với đơn vị phát triển hạ tầng khu công nghiệp trong việc định giá cho thuê lại đất gắn liền với công trình kết cấu hạ tầng đã xây dựng, các loại phí dịch vụ theo đúng chính sách và pháp luật hiện hành.

10/ Cấp, điều chỉnh và thu hồi các loại giấy phép, giấy chứng chỉ thuộc thẩm quyền hoặc theo ủy quyền của UBND tỉnh.

11/ Được tham dự các cuộc họp của các cơ quan Trung ương và Ủy ban Nhân dân tỉnh khi bàn về việc hình thành, xây dựng, phát triển và quản lý khu công nghiệp.

12/ Báo cáo định kỳ và hàng năm tình hình xây dựng, phát triển và quản lý các khu công nghiệp cho Ủy ban Nhân dân tỉnh, Ban quản lý các khu công nghiệp Việt Nam, các cơ quan Trung ương có liên quan.

Điều 4: Ban quản lý chịu sự quản lý Nhà nước của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và UBND tỉnh Bình Thuận đồng thời thực hiện một số nhiệm vụ về quản lý Nhà nước trong Khu công nghiệp theo văn bản ủy quyền của các cơ quan này.

Điều 5: Ban quản lý được Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ quy định tại Quy chế Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao ban hành kèm theo Nghị định số 36/CP ngày 24 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Quy chế Khu công nghiệp) và các văn bản ủy quyền của các Bộ, Ngành Trung ương và Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận, Điều lệ quản lý xây dựng theo quy hoạch Khu công nghiệp và Điều lệ này. Ban quản lý được quyền ban hành các quy định, nội quy, quy trình nghiệp vụ cụ thể theo các quy định hiện hành để áp dụng trong Khu công nghiệp.

Chương III

ĐƠN VỊ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG

Điều 6: Đơn vị phát triển hạ tầng có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1- Xây dựng đề án tổng thể về phát triển các công trình kết cấu hạ tầng trong Khu công nghiệp, nhu cầu phát triển các công trình kết cấu hạ tầng ngoài khu công nghiệp liên quan trình các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét, phê duyệt và tổ chức thực hiện.

2- Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng đã được đặt ra trong Khu công nghiệp Phan Thiết theo đúng quy hoạch, thiết kế và tiến độ được duyệt và theo đúng các qui định của Điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành của nhà nước; Thực hiện kinh doanh các công trình kết cấu hạ tầng, nhà xưởng, nhà ở, văn phòng theo đúng mục đích sử dụng của từng loại công trình.

3- Vận động đầu tư vào khu công nghiệp trên cơ sở quy hoạch phát triển chi tiết đã được duyệt.

4- Cho các doanh nghiệp khu công nghiệp thuê lại đất gắn liền với công trình kết cấu hạ tầng đã xây dựng hoặc cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước có khả năng tài chính và vận động đầu tư thuê lại diện tích đất chưa cho thuê để các

doanh nghiệp này cho thuê lại đất và gọi vốn đầu tư vào khu công nghiệp theo quy định tại Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 23/9/1999 của Chính phủ.

5- Cho các doanh nghiệp khu công nghiệp thuê hoặc mua nhà xưởng do đơn vị phát triển hạ tầng khu công nghiệp xây dựng ở trong khu công nghiệp, thuê hoặc mua nhà ở, văn phòng do Đơn vị phát triển hạ tầng xây dựng ngoài khu công nghiệp.

6- Kinh doanh các dịch vụ trong khu công nghiệp phù hợp với quyết định đầu tư hoặc giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Điều lệ công ty.

7- Quy định giá cho thuê lại đất đã xây dựng kết cấu hạ tầng, giá cho thuê hoặc bán nhà xưởng và phí dịch vụ sau khi có sự thỏa thuận bằng văn bản của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh và được Ủy ban Nhân dân tỉnh chấp thuận.

8- Được vay vốn ưu đãi của Nhà nước để xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp và được hưởng các ưu đãi tài chính theo Luật khuyến khích đầu tư trong nước.

9- Duy tu, bảo dưỡng các công trình kết cấu hạ tầng khu công nghiệp trong suốt thời gian hoạt động của Công ty.

10- Bảo đảm vệ sinh công nghiệp, bảo vệ môi sinh, môi trường.

11- Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh và Ủy ban Nhân dân tỉnh.

Điều 7: Đơn vị phát triển hạ tầng trực tiếp thực hiện hoặc ủy thác các đơn vị khác thực hiện việc duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình cơ sở hạ tầng và các công trình xây dựng, nhà xưởng, máy móc, thiết bị khác thuộc vốn đầu tư của đơn vị trong suốt thời hạn hiệu lực của Quyết định đầu tư hoặc Giấy phép đầu tư (sau đây gọi chung là Giấy phép đầu tư), kể cả thời gian được gia hạn (nếu có). Trong trường hợp Đơn vị phát triển hạ tầng ủy thác các đơn vị khác thực hiện các công việc nói trên, Đơn vị phát triển hạ tầng vẫn phải chịu trách nhiệm về chất lượng, thời hạn hoàn thành trước các Doanh nghiệp Khu công nghiệp trong phạm vi Hợp đồng kinh tế đã ký kết.

Điều 8 : Trong quá trình hoạt động, Đơn vị phát triển hạ tầng phải tuân thủ các quy định của Giấy phép đầu tư, quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng, Quy hoạch Khu công nghiệp, bản Điều lệ này và các quy định khác do Ban quản lý ban hành.

Chương IV **DOANH NGHIỆP KHU CÔNG NGHIỆP**

Điều 9 : Nhà đầu tư Việt Nam và nước ngoài muốn đầu tư xây dựng Doanh nghiệp tại Khu công nghiệp phải đáp ứng các điều kiện quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan và phải tuân thủ các quy định tại bản Điều lệ này.

Điều 10: Các ngành sản xuất các sản phẩm sau đây được đầu tư vào Khu công nghiệp:

- Chế biến nông - lâm - hải sản.
- Chế biến lương thực, thực phẩm, hoa quả, nước giải khát.
- Sản xuất hàng tiêu dùng, may đan, giày da, đồ dùng gia đình
- Sản xuất văn phòng phẩm, đồ chơi trẻ em.
- Lắp ráp và chế tạo cơ khí, điện, điện tử
- Sản xuất vật liệu xây dựng, trang trí nội thất.
- Các ngành công nghiệp sạch, không gây ô nhiễm môi trường mà Nhà nước Việt Nam không cấm hoặc cho phép đầu tư.

Điều 11: Nhà đầu tư được thành lập Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động sản xuất của các Doanh nghiệp khác trong Khu công nghiệp.

Điều 12: Nhà đầu tư nước ngoài được lựa chọn hình thức đầu tư theo Luật đầu tư nước ngoài để hoạt động theo Quy chế Khu công nghiệp.

Điều 13: Nhà đầu tư tự quyết định cách xây dựng Doanh nghiệp thành lập tại Khu công nghiệp trên cơ sở:

1. Thuê lại đất của Đơn vị phát triển hạ tầng đã được xây dựng cơ sở hạ tầng để tự mình thiết kế, xây dựng nhà xưởng và lắp đặt thiết bị hình thành Doanh nghiệp.

2. Mua hoặc thuê nhà xưởng tiêu chuẩn do Đơn vị phát triển hạ tầng xây dựng để thiết kế dây chuyền công nghệ, lắp đặt thiết bị hình thành Doanh nghiệp.

Điều 14: Doanh nghiệp Khu công nghiệp được sử dụng các dịch vụ xử lý nước thải, chất thải, cấp điện, cấp nước, vệ sinh và các tiện ích công cộng trong Khu công nghiệp thông qua Hợp đồng kinh tế với Đơn vị phát triển hạ tầng hoặc công ty cung cấp dịch vụ.

Điều 15: Nhà đầu tư nộp đơn và hồ sơ đăng ký đầu tư, xin cấp Giấy phép đầu tư thành lập Doanh nghiệp Khu công nghiệp tại Ban quản lý.

Điều 16: Thời hạn hoạt động của Doanh nghiệp Khu công nghiệp được quy định cụ thể trong Giấy phép đầu tư.

Khi kết thúc thời hạn, Doanh nghiệp có thể làm đơn xin gia hạn gửi đến Ban quản lý các khu công nghiệp, cơ quan cấp Giấy phép đầu tư.

Tuy nhiên, trong mọi trường hợp, thời hạn hoạt động của Doanh nghiệp Khu công nghiệp, kể cả sau khi được gia hạn, không dài hơn thời hạn hoạt động còn hiệu lực của Đơn vị phát triển hạ tầng. (trường hợp đặc biệt phải xin ý kiến của Chính Phủ)

Điều 17: Mọi thay đổi về hoạt động của Doanh nghiệp Khu công nghiệp so với Giấy phép đầu tư, giấy chấp thuận đầu tư phải được cơ quan cấp Giấy phép đầu tư chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.

Mọi thay đổi về thành phần, cơ cấu lãnh đạo Doanh nghiệp phải báo cáo kịp thời cho Ban quản lý.

Điều 18: Doanh nghiệp Khu công nghiệp chịu trách nhiệm về hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Doanh nghiệp có quyền và nghĩa vụ như quy định tại Quy chế Khu công nghiệp.

Điều 19: Đối với các doanh nghiệp chế xuất nằm trong Khu công nghiệp Phan Thiết, UBND tỉnh Bình Thuận sẽ có quy định cụ thể riêng.

Chương V

SỬ DỤNG ĐẤT VÀ NHÀ XƯỞNG

Điều 20: Địa điểm lập Doanh nghiệp do chủ đầu tư lựa chọn và thỏa thuận với Đơn vị phát triển hạ tầng khu công nghiệp với sự giám sát của Ban quản lý, phù hợp với Quy hoạch phát triển Khu công nghiệp đã được phê duyệt.

Điều 21: Sau khi vị trí và diện tích lô đất để xây dựng Doanh nghiệp hoặc vị trí và diện tích nhà xưởng tiêu chuẩn đã được lựa chọn như quy định tại Điều 19 bản Điều lệ này, Nhà đầu tư ký Hợp đồng sơ bộ với Đơn vị phát triển hạ tầng và đặt cọc tiền giữ chỗ. Thời hạn hiệu lực, số tiền đặt cọc và các điều khoản khác của Hợp đồng sơ bộ do Đơn vị phát triển hạ tầng và Nhà đầu tư thỏa thuận.

Quá thời hạn ghi trong Hợp đồng sơ bộ, nếu Nhà đầu tư không nộp đơn và hồ sơ xin thành lập Doanh nghiệp thì Hợp đồng sơ bộ hết hiệu lực và số tiền đặt cọc không được hoàn trả cho Nhà đầu tư.

Trường hợp đơn xin đầu tư thành lập Doanh nghiệp Khu công nghiệp không được chấp thuận, Nhà đầu tư được hoàn trả tiền đặt cọc.

Điều 22: Sau khi được cấp Giấy phép đầu tư, Nhà đầu tư ký hợp đồng chính thức với Đơn vị phát triển hạ tầng thuê lại đất, thuê hoặc mua nhà xưởng tiêu chuẩn để hình thành Doanh nghiệp.

Hợp đồng làm theo mẫu do Đơn vị phát triển hạ tầng soạn thảo thành ba (03) bản, mỗi Bên giữ một bản và một bản đăng ký tại Ban quản lý.

Điều 23: Thời hạn thuê đất để xây dựng Doanh nghiệp hoặc thuê nhà xưởng tiêu chuẩn ghi trong Hợp đồng phù hợp với thời hạn hoạt động ghi trong Giấy phép đầu tư.

Trường hợp Doanh nghiệp được gia hạn hoạt động như nói tại Điều 16 Chương IV của bản Điều lệ này thì Doanh nghiệp được tiếp tục thuê đất, thuê nhà xưởng tương ứng với thời hạn được gia hạn ghi trong Giấy phép đầu tư.

Giá tiền thuê đất, thuê nhà xưởng cho thời gian được gia hạn do Doanh nghiệp và Đơn vị phát triển hạ tầng thỏa thuận trên cơ sở Hợp đồng mới được ký kết như nói tại Điều 22 của bản Điều lệ này.

Điều 24: Nếu việc xây dựng công trình nhà xưởng đòi hỏi phải phân kỳ sử dụng đất, Nhà đầu tư vẫn được thuê một lần toàn bộ diện tích đất cần thiết để hình thành xí nghiệp, nhưng phải có kế hoạch xây dựng, sử dụng hết lô đất trong thời hạn tối đa là hai năm. Doanh nghiệp Khu công nghiệp phải gửi kế hoạch phân kỳ sử dụng đất được thuê về Đơn vị phát triển hạ tầng, Sở Địa chính và Ban quản lý. Nếu vì lý do bất khả kháng hoặc lý do chính đáng khác mà không hoàn thành kế

hoạch sử dụng đất đã cam kết thì ít nhất 30 (ba mươi) ngày trước khi kết thúc thời hạn quy định Doanh nghiệp phải xin gia hạn sử dụng đất. Quá thời hạn quy định và trong trường hợp Hợp đồng không được phép gia hạn, phần đất chưa sử dụng sẽ bị thu hồi.

Điều 25: Trong thời hạn 10 ngày kể từ khi ký hợp đồng cho thuê lại đất, bên cho thuê lại đất đăng ký việc cho thuê lại đất tại Sở Địa chính theo quy định hiện hành.

Điều 26: Việc thẩm định thiết kế xây dựng các công trình trong Khu công nghiệp được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Xây dựng về việc lập, xét duyệt quy hoạch chi tiết, quản lý xây dựng theo quy hoạch và thẩm định thiết kế kỹ thuật công trình thuộc các dự án đầu tư vào Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao.

Điều 27: Các đường ranh giới giữa các doanh nghiệp, giới hạn xây dựng trong từng lô đất, điểm đầu nối công trình kỹ thuật hạ tầng của Doanh nghiệp vào hệ thống công trình kỹ thuật hạ tầng chung của toàn Khu công nghiệp do Đơn vị phát triển hạ tầng xác định.

Điều 28: Khi thiết kế và xây dựng nhà xưởng phải đảm bảo mật độ xây dựng và hệ số sử dụng đất theo các quy định của pháp luật về xây dựng và quy hoạch phát triển Khu công nghiệp đã được phê duyệt.

Trong trường hợp việc xây dựng được thực hiện theo nhiều giai đoạn thì ở giai đoạn đầu, mật độ xây dựng và hệ số sử dụng đất có thể chưa đạt mức quy định, nhưng khi các công trình xây dựng hoàn thành, các quy định nói trên phải được thực hiện.

Điều 29: Trong quá trình xây dựng do nhu cầu thi công, nếu phải dỡ toàn bộ hoặc một phần các công trình công cộng (kể cả công trình kỹ thuật hạ tầng, chặt hạ cây xanh, đào hè đường...) hoặc cần sử dụng các công trình và các tiện ích công cộng (vía hè, điện, nước, đường giao thông...) thì Doanh nghiệp phải thỏa thuận trước với Đơn vị phát triển hạ tầng về thời hạn, giá trị đền bù, phương thức thanh toán, phục hồi nguyên trạng công trình và các điều kiện khác nếu có.

Sau khi hoàn tất công việc và phục hồi nguyên trạng công trình, Doanh nghiệp phải bàn giao công trình phục hồi cho Đơn vị phát triển hạ tầng và báo cáo Ban quản lý kèm theo Biên bản bàn giao.

Điều 30: Đất đã giao theo hợp đồng thuê lại đất, nhà xưởng đã thuê hoặc mua chưa được sử dụng vào mục đích đã ghi trong Giấy phép đầu tư. Khi có nhu cầu thay đổi mục đích sử dụng, Doanh nghiệp phải thỏa thuận lại với Đơn vị phát triển hạ tầng, báo cáo với Ban quản lý và làm lại thủ tục liên quan khác.

Điều 31: Trong thời hạn còn hiệu lực của Giấy phép đầu tư, sau khi được cơ quan cấp Giấy phép đầu tư chấp thuận, Doanh nghiệp có thể chuyển nhượng tài sản của mình xây dựng trên đất thuê hoặc tài sản lắp đặt trong nhà xưởng thuê hoặc mua của Đơn vị phát triển hạ tầng cho nhà đầu tư khác, phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam. Bên được chuyển nhượng có quyền và trách nhiệm tiếp tục thực hiện các hợp đồng mà Bên chuyển nhượng đã ký kết với Đơn vị phát triển hạ tầng.

Chương VI

CÁC VẤN ĐỀ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN VÀ NGOẠI HỐI

Điều 32: Các Doanh nghiệp Khu công nghiệp có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định hiện hành và chịu sự kiểm tra tài chính của cơ quan tài chính Việt Nam. Người lao động trong Khu công nghiệp phải nộp thuế thu nhập (nếu có) theo Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao.

Điều 33 : Các Doanh nghiệp Khu công nghiệp có thể áp dụng chế độ kế toán thống kê hiện hành của Việt Nam hoặc áp dụng chế độ kế toán thống kê khác theo quy tắc và tiêu chuẩn quốc tế phổ biến được Bộ Tài chính và Tổng cục Thống kê chấp thuận và chịu sự kiểm tra của các cơ quan tài chính và thống kê Việt Nam.

Điều 34 : Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán về giá trị là đồng Việt Nam hoặc có thể sử dụng một đơn vị tiền tệ nước ngoài do Doanh nghiệp đề nghị và được Bộ Tài chính chấp thuận. Trường hợp chứng từ kế toán ghi bằng đơn vị tiền tệ khác thì phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ đã chọn theo tỷ giá mua vào do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Về hiện vật, phải sử dụng các đơn vị đo lường chính thức của Việt Nam. Trường hợp chứng từ kế toán đã được ghi bằng đơn vị đo lường khác thì phải quy đổi ra đơn vị đo lường chính thức của Việt Nam.

72

Điều 35 : Các Doanh nghiệp Khu công nghiệp nộp thuế, nộp các loại phí, lệ phí bằng tiền Việt Nam hoặc bằng một đồng tiền nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận. Trường hợp nộp bằng tiền nước ngoài thì quy đổi ra đơn vị tiền tệ đã chọn theo tỷ giá mua vào do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm nộp.

Điều 36 : Niên độ kế toán tính theo năm dương lịch từ ngày 1 tháng 1 đến hết ngày 31 tháng 12. Riêng năm tài chính đầu tiên được tính từ ngày cấp Giấy phép đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó. Quý tính từ ngày 1 tháng đầu của quý đến hết ngày cuối cùng của tháng cuối quý.

Tháng tính từ ngày 1 đến ngày cuối cùng của tháng. Doanh nghiệp có thể áp dụng năm tài chính 12 tháng không trùng với năm dương lịch nhưng phải được Bộ Tài chính chấp thuận.

Điều 37 : Các Doanh nghiệp Khu công nghiệp phải lập báo cáo kế toán theo đúng chế độ kế toán đã đăng ký và được chấp thuận.

Báo cáo kế toán của Doanh nghiệp phải được một Công ty kiểm toán độc lập xác nhận trước khi gửi đi.

Báo cáo kế toán phải gửi cho Ban quản lý và các cơ quan quản Nhà nước khác có liên quan của Trung ương và tỉnh theo quy định hiện hành.

Điều 38 : Các Doanh nghiệp Khu công nghiệp phải thực hiện kiểm kê tài sản khi kết thúc niên độ kế toán để xác định số thực về tài sản, vật tư, hàng hóa, tiền mặt, tiền gửi... của xí nghiệp. Các tài liệu kế toán (sổ sách, chứng từ, báo cáo kế toán và các tài liệu khác có liên quan đến kế toán) phải được lưu giữ, bảo quản theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

Điều 39 : Các hoạt động giao dịch và thanh toán bằng ngoại tệ trong Khu công nghiệp được thực hiện theo quy định của Nhà nước về quản lý ngoại hối.

Chương VII LAO ĐỘNG TRONG KHU CÔNG NGHIỆP

Điều 40: Ban quản lý có trách nhiệm theo dõi kiểm tra, đôn đốc các Doanh nghiệp Khu công nghiệp thực hiện các chính sách, chế độ về lao động đối với người lao động làm việc tại Khu theo quy định của pháp luật hiện hành về lao động.

Điều 41: Doanh nghiệp Khu công nghiệp ưu tiên sử dụng lao động người Việt Nam. Đối với những loại công việc mà lao động là người Việt Nam chưa đáp ứng được thì Doanh nghiệp được phép sử dụng lao động người nước ngoài trong thời hạn nhất định. Trong thời hạn đó, Doanh nghiệp phải có kế hoạch đào tạo lao động người Việt Nam làm được công việc đó để thay thế.

Điều 42: Sau khi được cấp Giấy phép đầu tư, Doanh nghiệp lập và chuyển đến Ban quản lý kế hoạch về nhu cầu lao động, kế hoạch và yêu cầu tuyển dụng, kế hoạch đào tạo, huấn luyện kể cả gửi đi đào tạo huấn luyện ở nước ngoài, nếu có.

Điều 43: Việc tuyển dụng lao động là người Việt Nam vào làm việc tại các Doanh nghiệp Khu công nghiệp được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về lao động. Người lao động Việt Nam được Doanh nghiệp Khu công nghiệp tuyển vào làm việc phải nộp hồ sơ đăng ký tại Ban quản lý.

Điều 44: Trong trường hợp sáp nhập, phân chia Doanh nghiệp, chuyển quyền sở hữu, quyền quản lý hoặc quyền sử dụng tài sản của Doanh nghiệp thì chủ sở hữu mới hoặc người sử dụng lao động kế tiếp phải có trách nhiệm thực hiện Thỏa ước lao động tập thể và các Hợp đồng lao động đã ký kết cho tới khi các Bên thỏa thuận sửa đổi, chấm dứt hoặc ký kết Hợp đồng mới.

Chương VIII BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 45: Trường hợp Đơn vị phát triển hạ tầng yêu cầu và được quy định trong Hợp đồng thuê lại đất, Doanh nghiệp Khu công nghiệp phải xử lý sơ bộ nước thải đạt tiêu chuẩn quy định trước khi xả vào hệ thống nước thải chung của Khu công nghiệp do Đơn vị phát triển hạ tầng vận hành.

Điều 46: Nước thải từ Khu công nghiệp trước khi đưa ra ngoài phải bảo đảm đạt độ sạch theo các tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường của Nhà nước Việt Nam. Trường hợp nước thải từ Khu công nghiệp chưa được xử lý đúng mức, gây ô

nhiễm môi trường quá giới hạn cho phép thì người gây ra ô nhiễm phải bồi thường mọi thiệt hại và phải có biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường.

Điều 47: Đơn vị phát triển hạ tầng cung cấp dịch vụ xử lý nước thải cho Doanh nghiệp Khu công nghiệp thông qua Hợp đồng kinh tế, trong đó ghi rõ lượng nước thải, thông số hóa - lý của nước thải của xí nghiệp, phù hợp với công suất và khả năng xử lý của nhà máy xử lý nước thải do Đơn vị phát triển hạ tầng vận hành.

Điều 48: Doanh nghiệp Khu công nghiệp tự mình xử lý khí thải và bụi công nghiệp đảm bảo các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường do Nhà nước Việt Nam quy định và chịu trách nhiệm về những thiệt hại do khí thải làm ô nhiễm gây ra. Các chất thải rắn là phế liệu, phế phẩm, Doanh nghiệp không tận dụng được nhưng có giá trị thương mại, Doanh nghiệp có thể bán và thực hiện các nghĩa vụ về thuế tương tự như đối với trường hợp tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa khác của Doanh nghiệp.

Điều 49:

Việc xử lý các chất thải rắn, không có giá trị thương mại do các Doanh nghiệp thực hiện, thông qua Hợp đồng kinh tế từng Doanh nghiệp Khu công nghiệp ký với đơn vị phát triển hạ tầng khu công nghiệp.

Chương IX

AN NINH - AN TOÀN - TRẬT TỰ CÔNG CỘNG KHU CÔNG NGHIỆP

Điều 50: Doanh nghiệp được quyền quy định cụ thể chế độ kiểm tra, quản lý đối với hàng hóa, phương tiện, người làm việc trong doanh nghiệp, đối với khách hàng, khách thăm của Doanh nghiệp nhằm bảo đảm an toàn, bí mật công nghệ và công tác quản lý của Doanh nghiệp.

Điều 51: Doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm về tổ chức phòng và chống cháy, nổ tại cơ sở của mình và tuân thủ mọi quy định của Nhà nước Việt Nam về phòng, chống cháy nổ.

Điều 52: Hệ thống đường giao thông trong Khu công nghiệp phải được phân tuyến, phân làn, được trang bị biển báo và hiệu lệnh giao thông phù hợp với luật an toàn giao thông của Việt Nam.

75

Điều 53: Các Doanh nghiệp Khu công nghiệp phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định, các lệnh của Ban chỉ huy chống lụt, chống bão tỉnh.

Chương X

XỬ LÝ TRANH CHẤP VÀ CHẾ TÀI

Điều 54 : Các tranh chấp liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng kinh tế trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải giữa các Bên có liên quan. Trong trường hợp không hòa giải được, các Bên đưa vụ tranh chấp ra trọng tài hoặc toà án mà các Bên đã thỏa thuận khi ký kết hợp đồng.

Điều 55 : Các tranh chấp về quan hệ lao động giữa người lao động và giới chủ phải được giải quyết trước hết thông qua thương lượng giữa công đoàn hoặc đại diện tập thể lao động với chủ Doanh nghiệp, có sự chứng kiến, tham gia của cơ quan công đoàn cấp trên của Doanh nghiệp.

Trong trường hợp không hòa giải được, vấn đề tranh chấp được đưa ra xem xét, giải quyết theo quy định của Bộ luật Lao động của Nhà nước Việt Nam.

Điều 56: Các vụ án hình sự xảy ra trong Khu công nghiệp thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án Việt Nam.

Chương XI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 57: Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn và cung cấp bản Điều lệ này đến từng doanh nghiệp trong khu công nghiệp để các doanh nghiệp thực hiện .

Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan chức năng thuộc UBND tỉnh để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với Khu công nghiệp và các doanh nghiệp khu công nghiệp thông qua việc hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, xử lý, giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền quản lý của các cơ quan chức năng. Mọi sự kiểm tra, thanh tra chuyên ngành hoặc nhiều ngành theo định kỳ hay đột xuất của các cơ quan nhà nước đối với Khu công nghiệp, các doanh

ng nghiệp Khu công nghiệp phải được báo cho Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh biết và có sự tham gia của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh .

Điều 58: Bản Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày UBND tỉnh Bình Thuận quyết định ban hành. Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Thuận, Đơn vị phát triển hạ tầng khu công nghiệp Phan Thiết và các Doanh nghiệp Khu công nghiệp Phan Thiết, các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung quy định tại Điều lệ này. Quá trình thực hiện nếu cần sửa đổi bổ sung, Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh có văn bản trình UBND tỉnh xem xét quyết định.

Mọi vi phạm các điều khoản của Điều lệ này tùy theo mức độ sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, bồi thường thiệt hại vật chất hoặc truy tố trước Pháp luật theo Pháp luật hiện hành .

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN